TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 284/2024/DS-PT
Ngày: 10 - 12 - 2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Thẩm phán: Ông Phạm Trường Thọ

Bà Đặng Thị Ánh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Ngọc Quí – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 330/2024/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất (ranh đất)".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 343/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lê Phú S; Địa chỉ: Tổ I, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1961.

2. Bà Đặng Thị Hoa H.

Cùng cư trú tại: Tổ B, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M: Anh Lại Hoàng D; Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy

quyền ngày 10/12/2024).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Văn M, bà Đặng Thị Hoa H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Phú S trình bày:

Đất của anh Lê Phú S thuộc thửa số 139, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.214,1m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện B, Vĩnh Long do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V cấp ngày 12/5/2016 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 619853. Nguồn gốc đất do cha là ông Lê Văn T tặng cho.

Giáp với thửa đất số 139 của anh là phần đất của ông Nguyễn Văn M thuộc thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12, diện tích 454,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện B, Vĩnh Long.

Giữa hai thửa đất này trước có cấm trụ đá để làm ranh, nhưng khi làm lộ đal thì mất trụ đá phía trước (ngay phần đất tranh chấp) nên phía ông Nguyễn Văn M sử dụng lấn chiếm qua thửa đất số 139 của anh với diện tích khoảng 411,72m^2 (chiều ngang đầu ngoài khoảng 11,28m, chiều ngang đầu trong 0m, chiều dài khoảng 73m), phần đất tranh chấp do ông M sử dụng.

Sự việc này giữa anh và ông M đã thương lượng nhưng ông M không đồng ý nên anh đề nghị Ủy ban nhân dân xã N, huyện B hòa giải nhưng không thành nên anh khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn M có trách nhiệm trả lại cho anh phần đất lấn chiếm diện tích khoảng 411,72 m^2 (chiều ngang đầu ngoài khoảng 11,28m, chiều ngang đầu trong 0m, chiều dài khoảng 73m) thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.214,1m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Đối với cây trồng của ông Nguyễn Văn M trên phần đất tranh chấp anh đồng ý hoàn lại giá trị cây trồng cho ông M.

Tại Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 09/9/2024, anh Lê Phú S yêu cầu buộc hộ ông Nguyễn Văn M, bà Đặng Thị Hoa H có trách nhiệm trả lại cho anh phần đất lấn chiếm thuộc tách 139-1, diện tích 85,5m^2 và tách 139-3, diện tích 179,3m^2 thuộc thửa đất số 139, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.214,1m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Đất của ông thuộc thửa số 25, tờ bản đồ số 12, diện tích 454,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho hộ ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H. Thửa đất số 25 sau khi cấp đổi là không đủ diện tích so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gốc.

Giữa thửa đất của ông và thửa 139 của anh S trước đây có trụ đá làm ranh nhưng khi làm lộ đal thì trụ đá đầu ngoài đã mất nên dẫn đến tranh chấp.

Ông xác định là ông không có lấn chiếm đất như ông Lê Phú S trình bày, phần đất tranh chấp khoảng 411,72m^2 (chiều ngang đầu ngoài khoảng 11,28m, chiều ngang đầu trong 0m, chiều dài khoảng 73m theo ông S nêu) là thuộc thửa đất của ông, ông đã sử dụng từ năm 1986 đến nay. Nguồn gốc đất là do cha là ông Nguyễn Văn B tặng cho. Phần đất tranh chấp hiện nay ông đang trồng mít và dừa.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phú S yêu cầu ông có trách nhiệm trả lại cho ông S phần đất diện tích khoảng 411,72m^2 (chiều ngang đầu ngoài khoảng 11,28m, chiều ngang đầu trong 0m, chiều dài khoảng 73m) thửa đất số 139, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.214,1m^2, loại đất chuyên trồng lúa, nước tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện B, Vĩnh Long thì ông không đồng ý, vì phần đất này là đất của ông.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 4 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Phú S.

1.1. Buộc hộ ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H có trách nhiệm trả lại cho anh Lê Phú S tách 139-1, diện tích 85,5m^2, tờ bản đồ số 12, loại đất LUC thuộc HLATBVCT C gồm các mốc 2, 3, 17, 18, 19, 2 và tách 139-3, tờ bản đồ số 12, diện tích 179,3m^2, loại đất LUC (trong đó có 94,5m^2 thuộc

HLATBVCT Cầu Tư Tây) gồm các mốc 12, 13, 14, 15, 9, 12; tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Vĩnh Long)

Anh Lê Phú S có quyền và nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký biến động sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai hiện hành.

1.2. Công nhận cho anh Lê Phú S 04 (bốn) cây mít ruột đỏ, 06 (sáu) cây mít thái, 03 (ba) cây chuối, 05 (năm) cây dừa và 09 (chín) cây ổi; ông S có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H số tiền 6.534.000 đồng *(Sáu triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng)*.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tài sản; án phí sơ thẩm; nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 15 tháng 10 năm 2024, bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H có đơn kháng cáo với nội dung: Ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm giải quyết sửa bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phú S; Công nhận cho ông M và bà H được sử dụng phần đất tranh chấp diện tích 85,5m^2, tách 139-1 và diện tích 179,3m^2, tách 139-3, đất toạ lạc tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của ông M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp diện tích 85,5m^2, tách 139-1 và diện tích 179,3m^2, tách 139-3, đất toạ lạc tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cho ông M, bà H. Phần đất trên từ trước đến nay do bị đơn quản lý, sử dụng.

Nguyên đơn ông Lê Phú S không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Ông S cho rằng phần đất trên thuộc hành lang an toàn lộ giới phương tiện cơ giới, xe qua lại thường xuyên nên phía bị đơn trồng cây hằng năm nên nguyên đơn không ngăn cản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bác kháng cáo bị đơn ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Buộc hộ ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H có trách nhiệm trả lại cho anh Lê Phú S tách 139-1, diện tích 85,5m^2, tờ bản đồ số 12, loại đất LUC và tách 139-3, tờ bản đồ số 12, diện tích 179,3m^2, loại đất LUC; tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận cho anh Lê Phú S 04 (bốn) cây mít ruột đỏ, 06 (sáu) cây mít thái, 03 (ba) cây chuối, 05 (năm) cây dừa và 09 (chín) cây ổi; ông S có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H số tiền 6.534.000 đồng.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông M là người cao tuổi nên được miễn án phí, còn bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn bà Đặng Thị Hoa H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với bà H.

[2] Theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B thể hiện: Phần đất tranh chấp giữa hai thửa đất 139, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.214,1m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước và thửa đất 25, tờ bản đồ số 12, diện tích 454,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm có tổng diện tích đất tranh chấp là 264,8m^2. Phần đất trên hiện do ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H đang quản lý, sử dụng.

Trên đất có các cây trồng do ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H trồng gồm: 04 (bốn) cây mít ruột đỏ, 06 (sáu) cây mít thái, 03 (ba) cây chuối, 05 (năm) cây dừa và 09 (chín) cây ổi. Tổng trị giá cây trồng bằng số tiền 6.534.000 đồng. Phần đất trên cùng toạ lạc tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Tại biên bản định giá tài sản ngày 18/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện B các đương sự thống nhất giá đất thị trường phần đất tranh chấp 118.000 đồng/m^2.

[3] Xét nguồn gốc và quá trình đăng ký, kê khai và sử dụng phần đất tranh chấp:

[3.1] Đối với thửa đất 139, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.214,1m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước do anh Lê Phú S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 619853, số vào sổ CS07711 được Sở T ký cấp ngày 12/5/2016. Theo Công văn số 4147/VPĐKĐĐ-TTLT ngày 24/7/2024 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh V phúc đáp cho Toà án nhân dân huyện B về tư liệu kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 139 như sau: Ông Lê Văn T quản lý, sử dụng và được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/6/2001 tại thửa đất số 261, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.670m^2, loại đất: LN; thửa đất số 262, tờ bản đồ số 1, diện tích 240m^2, loại đất: T; thửa đất số 263, tờ bản đồ số 1, diện tích 8.380m^2, loại đất: Lúa. Năm 2011, ông Lê Văn T thực hiện thủ tục cấp đổi từ 03 thửa đất trên thành thửa đất số 31, tờ bản đồ số 12, diện tích 11.375m^2, loại đất: LUC, do hộ ông Lê Văn T và bà Phan Thị Ê đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (GCN) được Ủy ban nhân dân huyện B ký cấp ngày 29/8/2011;

Năm 2014, ông Lê Văn T nhận thừa kế từ bà Phan Thị Ê thửa đất số 31, tờ bản đồ số 12, diện tích 11.375m^2, loại đất: LUC, do hộ ông Lê Văn T đứng tên GCN, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V ký cấp ngày 05/4/2016;

Năm 2016, ông Lê Văn T thực hiện thủ tục tách thửa đất số 31, tờ bản đồ số 12 thành 05 thửa đất số: 139; 140; 141; 142; 143. Trong đó thửa đất số 139, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.214,1m^2, loại đất: LUC do ông T đứng tên GCN được Sở T ký cấp ngày 05/4/2016. Ngày 28/4/2016, ông Lê Văn T lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 139, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.214,1m^2 cho anh Lê Phú S. Anh S được Sở T ký cấp GCN ngày 12/5/2016.

Theo Công văn số 3287/STNMT ngày 06/9/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V xác định: Trình tự thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 139, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.214,1m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước cho ông Lê Phú S ngày 12/5/2016 là thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 79 Nghị định 43/NĐ-CP, ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

[3.2] Đối với thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12, diện tích 454,1m^2, loại đất: đất trồng cây lâu năm hiện do ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị H1 Huệ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 196816, số vào sổ CH01552 được Ủy ban nhân dân huyện B ký cấp ngày 17/11/2014: Phần đất trên có nguồn gốc từ thửa đất số 264, tờ bản đồ số 1, diện tích 880m^2, loại đất hoang, do ông Nguyễn Văn M1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện B ký cấp ngày 01/10/1996; Năm 2014, ông Nguyễn Văn M1 thực hiện thủ tục cấp đổi một phần diện tích thửa đất số 264, tờ bản đồ số 1 thành thửa đất số 25, tờ bản đồ số 12, diện tích 454,1m^2, loại đất: CLN, do hộ ông Nguyễn Văn M1 và bà Đặng Thị H1 Huệ đứng tên GCN, được Ủy ban nhân dân huyện B ký cấp ngày 17/11/2014; Năm 2018, ông Nguyễn Văn M1 thực hiện thủ tục đăng ký biến động về họ và tên của ông Nguyễn Văn M1 có sai sót được đính chính lại Nguyễn Văn M, được Ủy ban nhân dân huyện B ký xác nhận trang 3 Giấy chứng nhận ngày 03/7/2018.

Căn cứ hồ sơ đăng ký kê khai quyền sử dụng đất thửa 25 của ông M, bà H: Tại đơn xin đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thể hiện phần đất trên giấy chứng nhận trước khi biến động thửa 264, tờ bản đồ số 1, diện tích 880m^2 và sau khi biến động thuộc thửa 25, tờ bản đồ số 12, diện tích 454,1m^2 và ghi nhận ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B căn cứ theo quy hoạch sử dụng đất thì phần đất ông M, bà H xin chuyển mục đích sử dụng từ loại đất hoang sang loại đất trồng cây lâu năm là phù hợp quy hoạch.

[3.3] Tại Biên bản hoà giải ngày 26/01/2024 tại Toà cấp sơ thẩm, anh S và ông M đều thừa nhận quá trình sử dụng đất giữa thửa đất số 139 của anh S và thửa đất số 25 của ông M và bà H thì hai bên có cấm trụ đá để làm ranh đến khi nhà nước làm lộ dal thì mất trụ ranh, từ đó hai bên mới phát sinh tranh chấp.

[3.4] Căn cứ theo kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện B thể hiện:

Tổng diện tích phần đất thửa 25 của ông M, bà H theo chỉ ranh của bị đơn là 454,1m^2 gồm: các tách thửa 25-1, diện tích 106,4m^2; tách thửa 25-2, diện tích 39,1m^2, hiện trạng đường bê tông; tách 25-3, diện tích 308,6m^2. Và bị đơn xác định phần đất tranh chấp diện tích 264,8m^2 thuộc tách thửa 139-1, diện tích 85,5m^2 và tách thửa 139-3, diện tích 179,3m^2 là thuộc quyền sử dụng của bị đơn. Tuy nhiên, so sánh với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện B ký cấp ngày 17/11/2014 cho ông M, bà H thể hiện thửa đất 25 diện tích

454,1m^2, loại đất trồng cây lâu năm. Còn hiện trạng phần đất tranh chấp diện tích 264,8m^2, trong đó có diện tích 85,5m^2 thuộc HLATBVCT C và tách 139-3, diện tích 179,3m^2 hiện trạng đường bê tông. Như vậy, nếu cộng phần đất tranh chấp diện tích 264,8m^2 thì phần đất của ông M, bà H tăng hơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 264,8m^2.

Còn lại phần đất thửa 139 của anh S, diện tích phần đất thửa 139 của anh S theo chỉ ranh của nguyên đơn gồm: các tách thửa 139-1, diện tích 85,5m^2; tách thửa 139-2, diện tích 110,3m^2; tách 139-3, diện tích 179,3m^2 và tách thửa 139-4, diện tích 1839m^2. Tổng cộng diện tích thực tế là 2.214,1m^2. Như vậy, so sánh với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở T ký cấp ngày 05/4/2016 cho S thì phần đất theo sự chỉ ranh của anh S phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Mặt khác, theo Kết quả khảo sát đo đạc thì phần đất tranh chấp diện tích 264,8m^2 (trong đó có diện tích 85,5m^2 thuộc HLATBVCT C và tách 139-3, diện tích 179,3m^2 hiện trạng đường bê tông). Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở T ký cấp ngày 05/4/2016 cho S thì thửa đất 139 có diện tích là diện tích 2.214,1m^2 (trong đó có 1070,1m^2 thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông đường bộ).

Do đó, bị đơn kháng cáo cho rằng phần đất tranh chấp diện tích 264,8m^2 thuộc tách 139-1 và tách thửa 139-3 (trong đó có thửa tách 139-1, diện tích 85,5m^2 thuộc H2; tách 139-3, diện tích 179,3m^2 hiện trạng đường bê tông) do nguyên đơn được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa 25 của bị đơn nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh phần đất trên thuộc quyền sử dụng hợp pháp của mình. Vì vậy, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn công nhận phần đất trên cho nguyên đơn là có căn cứ.

Trên phần đất tranh chấp có các cây trồng do ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H trồng gồm: 04 (bốn) cây mít ruột đỏ, 06 (sáu) cây mít thái, 03 (ba) cây chuối, 05 (năm) cây dừa và 09 (chín) cây ổi. trị giá bằng 6.534.000 đồng. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Lê Phú S và buộc nguyên đơn trả giá trị cây trồng trên cho bị đơn là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông Nguyễn Văn M là người cao

tuổi và có đơn xin miễn án phí nên ông M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận, bà Đặng Thị Hoa H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm tuyên về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tại cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức, thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn M, bà Đặng Thị Hoa H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Phú S.

- Công nhận phần đất tranh chấp diện tích 264,8m^2 thuộc tách thửa 139-1, loại đất LUC, diện tích 85,5m^2, gồm các mốc (2, 3, 17, 18, 19, 2) và tách thửa 139-3, loại đất LUC, diện tích 179,3m^2, gồm các mốc (12, 13, 14, 15, 9, 12) do anh Lê Phú S đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H có trách nhiệm giao trả phần đất diện tích 264,8m^2 thuộc tách thửa 139-1, loại đất LUC, diện tích 85,5m^2, gồm các mốc (2, 3, 17, 18, 19, 2) và tách thửa 139-3, loại đất LUC, diện tích 179,3m^2, gồm các mốc (12, 13, 14, 15, 9, 12) cho anh Lê Phú S. Đất tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo Kết quả đo đạc hiện trạng khu đất ngày 30/5/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Vĩnh Long)

- Anh Lê Phú S có quyền và nghĩa vụ liên hệ đến cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền để đăng ký biến động sử dụng đất theo quy định của Luật đất đai hiện hành.

2. Công nhận cho anh Lê Phú S 04 (bốn) cây mít ruột đỏ, 06 (sáu) cây mít thái, 03 (ba) cây chuối, 05 (năm) cây dừa và 09 (chín) cây ổi. Buộc anh Lê Phú S có nghĩa vụ hoàn trả giá trị cho ông Nguyễn Văn M và bà Đặng Thị Hoa H số tiền 6.534.000 đồng *(Sáu triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm tuyên về chi phí khảo sát, đo đạc và định giá tại cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Án phí: Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bà Đặng Thị Hoa H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Bà H đã nộp xong.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND huyện B: 01;
- Chi Cục THADS huyện B: 01;
- HCTP: 01;
- KTNV&THA: 01;
- Đương sự: 04;
- Lưu: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Sơn Nữ Phà Ca